

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 07/7/2023

V/v: Ly hôn, nuôi con chung, cấp
đường nuôi con chung và nợ chung.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lường Tiến Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lò Văn Quốc.

2. Bà Lý Thị Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Bích Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 07/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 120/2023/TLST- HNGĐ ngày 14/3/2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19/6/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Lò Văn C**; Sinh năm: 1986; Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị **Lò Thị H**; Sinh năm: 1988; Địa chỉ: Bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Có mặt tại phiên tòa.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Phòng giao dịch Ngân hàng C; Địa chỉ: Tiểu khu 3, thị trấn T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Đại diện theo pháp luật: Ông **Lê Xuân T** - Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Ngân hàng N; Địa chỉ: Tiểu khu 8, thị trấn T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La; Đại diện theo pháp luật: Ông **Phạm Văn T** - Giám đốc. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/3/2023, bản tự khai, biên bản ghi lời khai tại Toà án nhân dân huyện Thuận Châu. Nguyên đơn anh **Lò Văn C** trình bày:

- Về hôn nhân: Anh và chị **Lò Thị H** kết hôn với nhau từ ngày 23/01/2008 tại UBND xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn anh và chị H chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính phát sinh mâu thuẫn là do khác biệt quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn trầm trọng kéo dài không tìm được tiếng nói chung, đã ly thân từ đầu năm 2023 cho đến nay. Anh C nhận thấy cuộc hôn nhân này không còn hạnh

phúc nên đã viết đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu giải quyết cho anh được ly hôn chị Lò Thị H.

- **Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung :** Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: Cháu Lò Thị Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2008 và cháu Lò Như Q, sinh ngày 15/4/2015. Anh đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Như Q và giao cháu Lò Thị Quỳnh C cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về tài sản riêng:** Không có.

- **Về nợ chung:** Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C 70.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng N 50.000.000 đồng.

Anh Lò Văn C yêu cầu mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ trên.

*** Tại bản tự khai bị đơn chị Lò Thị H trình bày:**

Về tình cảm: Chị Lò Thị H và anh Lò Văn C kết hôn với nhau từ kết hôn với nhau từ ngày 23/01/2008 tại UBND xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối. Sau khi kết hôn chị và anh C vẫn chung sống hoà thuận hạnh phúc với nhau chị xác định tình cảm vẫn còn không nhất trí ly hôn với anh Lò Văn C.

Về con chung: Chị Lò Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai cháu Lò Thị Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2008 và cháu Lò Như Q, sinh ngày 15/4/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị yêu cầu anh Lò Văn C cấp dưỡng cho cháu Lò Như Q mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị và anh C tạo lập được một ngôi 01 nhà sàn 03 gian 02 trái lợp mái tôn có diện tích 70m² và công trình phụ trị giá 300.000.000 đồng; 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 70m² trị giá 500.000.000 đồng dựng trên đất của bố mẹ đẻ anh Lò Văn C tại bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Tổng tài sản chung trị giá 800.000.000 đồng.

Chị H yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung trên cho vợ chồng chị H, anh C và hai con chung.

Về tài sản riêng: Không có.

Về nợ chung: Nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Châu 70.000.000 đồng; Nợ Ngân hàng N 50.000.000 đồng.

Chị H yêu cầu ai được sử dụng nhà sàn, nhà xây cấp 4 có trách nhiệm trả hai khoản nợ trên.

Ngày 20/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ, yêu cầu chị Lò Thị H cung cấp chứng cứ,

chứng minh vợ chồng anh chị có khối tài sản chung đề nghị Tòa án giải quyết. Tuy nhiên chị H đã không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Ngày 20/3/2023 Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La ra Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung. Tuy nhiên đã hết thời hạn 7 ngày chị H đã không cung cấp cho Tòa án biên lai thu tiền tạm ứng án phí.

*** Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/4/2023 anh Lò Văn C và chị Lò Thị H đã thống nhất:**

Về tình cảm : Anh Lò Văn C và chị Lò Thị H nhất trí thuận tình ly hôn.

Về tài sản riêng: Không có.

*** Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải ngày 24/4/2023 anh Lò Văn C và chị Lò Thị H không thống nhất:**

Về con chung: Anh Lò Văn C đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Như Q và giao cháu Lò Thị Quỳnh C cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Lò Thị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò Thị Quỳnh C và cháu Lò Như Q. Chị yêu cầu anh Lò Văn C cấp dưỡng cho cháu Lò Như Q mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: Chị Lò Thị H xác định tài sản chung gồm: Một ngôi 01 nhà sàn 03 gian 02 trái lợp mái tôn có diện tích 70m² và công trình phụ trị giá 300.000.000 đồng; 01 nhà xây cấp 4 có diện tích 70m² trị giá 500.000.000 đồng dựng trên đất của bố mẹ đẻ anh Lò Văn C tại bản H, xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Chị H yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ tài sản chung cho vợ chồng chị H, anh C.

Anh Lò Văn C xác định tài sản chung trên trị giá 150.000.000 đồng. Anh C yêu cầu chia tài sản chung trên cho 8 nhân khẩu trong hộ gia đình.

Về nợ chung: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C 70.000.000 đồng chưa tính lãi; Nợ Ngân hàng N 50.000.000 đồng chưa tính lãi.

Anh C yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng.

Chị H yêu cầu anh C trả toàn bộ số tiền nợ Ngân hàng đối trừ tài sản chung của vợ chồng được chia.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải anh Lò Văn C, chị Lò Thị H không cung cấp thêm chứng cứ cho Tòa án và không yêu cầu triệu tập đương sự khác, người làm chứng, người tham gia tố tụng. Nguyên đơn anh C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Ngày 19/05/2023 bị đơn chị Lò Thị H rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về con chung nhất trí như ý kiến của anh Lò Văn C: Anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Như Q và chị trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu Lò

Thị Quỳnh C. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về nợ chung: Chị không nhất trí trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng C70.000.000 đồng chưa tính lãi; Nợ Ngân hàng N 50.000.000 đồng chưa tính lãi do chị là người thừa kế nợ không có khả năng trả nợ.

Ngày 22/05/2023 nguyên đơn anh Lò Văn C rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung, nợ chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh C tự nguyện trả toàn bộ nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C70.000.000 đồng chưa tính lãi; Ngân hàng N 50.000.000 đồng chưa tính lãi.

Tại công văn số 73/CV-NHCS ngày 24/5/2023 Phòng giao dịch Ngân hàng Cxác nhận: Anh Lò Văn C, chị Lò Thị H có vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Châu với số tiền 70.000.000 đồng, mục đích cho vay vốn chương trình hộ gia đình sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn và vay vốn chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường. Người trực tiếp đứng tên vay là anh Lò Văn C. Nếu anh C và chị H ly hôn đề nghị Tòa án xem xét buộc anh Lò Văn C và chị Lò Thị H có trách nhiệm trả toàn bộ nợ tổng số tiền là 70.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Tại công văn của Ngân hàng N xác nhận: Hộ gia đình anh Lò Văn C có vay số tiền 50.000.000 đồng. Nếu anh C và chị H ly hôn đề nghị Tòa án xem xét buộc anh Lò Văn C có trách nhiệm trả toàn bộ nợ tổng số tiền là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán : Kể từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến trước khi ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Thụ lý đúng thẩm quyền tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật, xác định đầy đủ tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ đầy đủ đúng quy định. Đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử, quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, gửi kịp thời các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng theo quy định tại các Điều 97, Điều 195, Điều 196, Điều 198, Điều 203, Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần trong quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa đã thực hiện theo đúng quy định tại Điều 51, Điều 237 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật tố tụng

dân sự.

- Về sự vắng mặt của nguyên đơn anh Lò Văn C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch Ngân hàng C và Ngân hàng N: Đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, tiến hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Đề nghị:

- *Về hôn nhân*: Xử cho anh Lò Văn C được ly hôn với chị Lò Thị H.

- *Về con chung, cấp dưỡng nuôi con chung*: Giao cháu Lò Thị Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2008 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Giao cháu Lò Như Q, sinh ngày 15/4/2015 cho anh Lò Văn C được được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- *Về nợ chung*: Buộc anh Lò Văn C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền là 70.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi Ngân hàng yêu cầu trả nợ.

Buộc anh Lò Văn C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng N là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh đến khi Ngân hàng yêu cầu trả nợ.

- *Về án phí*: Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu án phí nghĩa vụ về nợ chung theo quy định của pháp luật

* *Những yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm*: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về thẩm quyền giải quyết*: Xét yêu cầu giải quyết việc ly hôn của nguyên đơn anh Lò Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Thuận Châu nên Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La thụ lý giải quyết là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng*: Nguyên đơn anh Lò Văn C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Thuận Châu; Ngân hàng N đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến

hành xét xử vắng mặt là đảm bảo, đúng quy định pháp luật.

[2]. Về hôn nhân: Anh Lò Văn C và chị Lò Thị H có đăng ký kết hôn từ ngày 23/01/2008 tại UBND xã T, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La kết hôn do cả hai bên cùng tự nguyện, không bên nào bị cưỡng ép, lừa dối đúng theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H là hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không tìm được tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân rơi vào bế tắc. Từ đầu năm 2023 cho đến nay chị và anh đã sống ly thân, mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai.

Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh, chị đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh C có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị H và anh C giữ nguyên yêu cầu ly hôn với chị H, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho anh C ly hôn với chị H.

[3]. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong thời gian chung sống anh, chị có hai con chung: cháu Lò Thị Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2008 và cháu Lò Như Q, sinh ngày 15/4/2015. Nay ly hôn anh C đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Lò Như Q và giao cháu Lò Thị Quỳnh C cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị H nhất trí như đề nghị của anh Lò Văn C.

Hội đồng xét xử căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con, đảm bảo quyền lợi của các con chưa thành niên, xem xét anh C, chị H đều có đủ khả năng và điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc các con hàng ngày. Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi mọi mặt cho các cháu như ăn mặc, học hành, những điều kiện cho sự phát triển về thể chất và tinh thần, tâm sinh lý. Chấp nhận đề nghị của anh Lò Văn C và chị Lò Thị H là giao cháu Lò Như Q, sinh ngày 15/4/2015 cho anh C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao cháu Lò Thị Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2008 cho chị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung là có căn cứ cần được chấp nhận, hợp tình, hợp lý. Sau khi ly hôn anh C, chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó căn cứ Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về tài sản chung: Anh Lò Văn C, chị Lò Thị H rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản riêng: Không có.

[6]. Về nợ chung: Anh Lò Văn C, chị Lò Thị H thừa nhận có nợ chung là: Nợ Phòng giao dịch Ngân hàng Csố tiền là 70.000.000 đồng và lãi phát sinh; Nợ Ngân hàng N là 50.000.000 đồng và lãi phát sinh. Anh C tự nguyện trả toàn bộ 02 khoản nợ trên xét thấy cần chấp nhận. Do vậy để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, cần buộc anh Lò Văn C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ 02 khoản nợ trên vận dụng Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

[7]. Về án phí : Anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và phải chịu án phí nghĩa vụ về nợ chung được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu. Anh C còn phải chịu tiếp án phí nghĩa vụ về nợ chung theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 8 Điều 26, điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Về quyền kháng cáo : Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 177, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 8 Điều 26, điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử cho anh Lò Văn C được ly hôn với chị Lò Thị H.

2. Về con chung: Xử giao cháu Lò Như Q, sinh ngày 15/4/2015 cho anh Lò Văn C được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Xử giao cháu Lò Thị Quỳnh C, sinh ngày 04/7/2008 cho chị Lò Thị H được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Lò Văn C, chị Lò Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về nợ chung:

Tuyên xử buộc anh Lò Văn C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Phòng giao dịch Ngân hàng C số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đến khi có yêu cầu trả nợ.

Tuyên xử buộc anh Lò Văn C có trách nhiệm thanh toán khoản nợ cho Ngân hàng N số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đến khi có yêu cầu trả nợ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án. Nếu bên phải thi hành không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành án thì còn phải chịu tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

5. Về án phí: Anh Lò Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và phải chịu án phí nghĩa vụ về nợ chung là 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.300.000^d (Ba triệu ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Châu theo biên lai thu số AA/2021/0003233 ngày 14/3/2023. Anh Lò Văn C còn phải chịu án phí nghĩa vụ về nợ chung là 3.000.000^d (Ba triệu đồng).

6. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lò Văn C, Phòng giao dịch Ngân hàng C, Ngân hàng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Thuận Châu(02 bản);
- Chi cục THADS huyện Thuận Châu;
- UBND xã T, huyện Thuận Châu;
- Các đương sự.
- Lưu án văn;
- Lưu:Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lường Tiến Hải

